SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH

DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: THỰC TẬP QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC **Thi lần: 01**
Ngành : Marketing **Học kỳ : I**
Lớp : 11MR1 **Khóa: 07 (2011-2013)** **Năm học: 2012-2013**
Giờ thi: **Ngày thi:** **Phòng thi: B 2.2**

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Số tờ giấy thi	Thí sinh (ký)	Điểm thi HP		Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bằng số	Bằng chữ	
1	11MR001	Nguyễn Thị	**Ái**	06/08/1992	7.0		7.0		**7.0**			6.0	Sáu	
2	11MR002	Đào Vũ Tuyết	**Anh**	09/08/1982	7.0		8.0		**7.7**			8.0	Tám	
3	11MR003	Nguyễn Quốc	**Đạt**	14/12/1993	6.0		6.0		**6.0**			7.0	Bảy	
4	11MR004	Đặng Thị Thúy	**Diễm**	20/03/1988	6.0		7.0		**6.7**			6.0	Sáu	
5	11MR006	Lê Thái	**Dương**	20/07/1993	7.0		6.0		**6.3**			7.0	Bảy	
6	11MR007	Hồ Thị	**Hải**	20/02/1992	6.0		7.0		**6.7**			7.0	Bảy	
7	11MR009	Nguyễn Thị	**Hiền**	06/08/1991	7.0		6.0		**6.3**			7.0	Bảy	
8	11MR010	Bùi Hữu	**Hiệp**	24/10/1987	6.0		6.0		**6.0**			6.0	Sáu	
9	11MR011	Nguyễn Tiến	**Hùng**	27/02/1987	7.0		6.0		**6.3**			7.0	Bảy	
10	11MR019	Nguyễn Thị Trà	**Linh**	01/01/1993	6.0		7.0		**6.7**			7.0	Bảy	
11	11MR020	Lê Thị	**Lộc**	01/01/1990	7.0		6.0		**6.3**			6.0	Sáu	
12	11MR021	Nguyễn Xuân	**Lợi**	19/03/1991	6.0		6.0		**6.0**			6.0	Sáu	
13	11MR023	Nguyễn Thị	**May**	27/03/1993	7.0		7.0		**7.0**			7.0	Bảy	
14	11MR026	Hoàng Thị Ánh	**Nguyệt**	07/10/1993	7.0		7.0		**7.0**			8.0	Tám	
15	11MR027	Trần Hoàng	**Oanh**	20/08/1989	6.0		7.0		**6.7**			7.0	Bảy	
16	11MR028	Trương Nhã	**Phong**	30/08/1992	7.0		6.0		**6.3**			7.0	Bảy	
17	11MR030	Lê Văn	**Phúc**	20/02/1991	7.0		7.0		**7.0**			7.0	Bảy	
18	11MR031	Vũ Hồng Kim	**Phụng**	04/09/1992	7.0		5.0		**5.7**			7.0	Bảy	
19	11MR032	Lê Phan	**Quỳnh**	01/11/1985	6.0		7.0		**6.7**			7.0	Bảy	
20	11MR037	Ngô Thị Lan	**Thanh**	01/07/1993	7.0		7.0		**7.0**			8.0	Tám	
21	11MR038	Nguyễn Đức	**Thảo**	17/11/1988	7.0		7.0		**7.0**			7.0	Bảy	
22	11MR039	Nguyễn Thị Phương	**Thi**	02/02/1988	6.0		7.0		**6.7**			8.0	Tám	
23	11MR042	Vũ Xuân	**Tiến**	06/02/1985	5.0		6.0		**5.7**			6.0	Sáu	
24	11MR045	Nguyễn Ngọc	**Trầm**	20/04/1992	7.0		7.0		**7.0**			7.0	Bảy	
25	11MR046	Trương Minh	**Trí**	03/12/1991	5.0		5.0		**5.0**			7.0	Bảy	
26	11MR050	Bùi Thị Ngọc	**Trinh**	18/04/1992	7.0		7.0		**7.0**			6.0	Sáu	
27	11MR054	Bùi Ngọc	**Tuyết**	20/12/1974	6.0		7.0		**6.7**			7.0	Bảy	
28	11MR055	Dương Thị Anh	**Tuyết**	20/06/1989	7.0		8.0		**7.7**			8.0	Tám	
29	11MR058	Nguyễn Hải	**Yến**	25/10/1987	7.0		7.0		**7.0**			7.0	Bảy	
30	11TK009	La Huỳnh Tuyết	**Nhung**	8/8/92	6.0		7.0		**6.7**			7.0	Bảy	
31	11TK006	Lưu Nguyên	**Linh**	01/09/1992	7.0		6.0		**6.3**			7.0	Bảy	

Tổng số : **31** thí sinh.

TP. HCM, ngày …… tháng …….. năm …….

HIỆU TRƯỞNG
(Duyệt)

PHÒNG ĐÀO TẠO

+ Số thí sinh có mặt: ……

+ Số thí sinh vắng mặt: ……

+ Số bài thi:……..

+ Số tờ giấy thi:……..

Ghi chú:

+ Thí sinh vắng thi thì CB coi thi gạch từ cột (1) đến cột (10); cột (11) ghi chữ "vắng"; gạch tiếp từ cột (12) đến cột (14).

+ Ngay sau khi nhận kết quả chấm thi từ giáo viên, phòng Đào tạo photo Danh sách này chuyển cho CB ghi Sổ đăng ký học sinh.

* Ngày giao - nhận:……

* Người giao *(Ký, họ tên)* :……

* Người giao *(Ký, họ tên)* :…….

Cán bộ coi thi 1	**Cán bộ coi thi 2**
(Ký & ghi đủ họ tên)	*(Ký & ghi đủ họ tên)*
Giáo viên chấm thi 1	**Giáo viên chấm thi 2**
(Ký & ghi đủ họ tên)	*(Ký & ghi đủ họ tên)*